**BẢNG LƯƠNG GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỪ NGÀY 01/7/2024**

Sau đây là bảng lương, hệ số lương mới nhất của viên chức là giảng viên các trường Đại học, cao đẳng theo quy định mới nhất tính từ ngày 01/7/2024 (áp dụng theo mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng).

**1. Giảng viên đại học, cao đẳng có những chức danh nào**

Theo khoản 2 Điều 54 Luật Giáo dục đại học 2012 (được sửa đổi bởi khoản 29 Điều 1 Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018), giảng viên là người giảng dạy trong các trường cao đẳng, đại học, bao gồm:

- Trợ giảng

- Giảng viên

- Giảng viên chính

- Phó giáo sư

- Giáo sư

**2. Giảng viên được xếp lương như thế nào**

**a. Bảng lương giảng viên đại học, cao đẳng**

Căn cứ Điều 9 Thông tư 35/2020/TT-BGDĐT và Điều 10 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT được sửa đổi bởi Thông tư 04/2022/TT-BGDĐT, lương giảng viên đại học là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập được xếp như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giảng viên | Hệ số | Mức lương từ 01/07/2024 |
| - Cao đẳng sư phạm cao cấp.  - Đại học cao cấp | - Viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1).  - Từ 6,2 - 8,0. | Dao động từ 14.508.000 - 18.720.000 đồng/tháng |
| - Cao đẳng sư phạm chính.  - Đại học chính. | - Viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1).  - Từ 4,4 - 6,78. | Dao động từ 10.296.000 - 15.862.200 đồng/tháng |
| - Cao đẳng sư phạm.  - Giảng viên đại học.  - Trợ giảng. | - Viên chức loại A1.  - Từ 2,34 - 4,98. | Dao động từ 5.475.600 - 11.653.200 đồng/tháng |

Mức lương giảng viên đại học là viên chức sẽ được tính theo công thức: Lương = [Hệ số lương] X [Mức lương cơ sở]. Do đó, Bảng lương giảng viên đại học cụ thể như sau:

Bảng lương nói trên chưa tính đến khoản cộng thêm phụ cấp ưu đãi (phụ cấp ưu đãi = Lương x 25%) và trừ tiền đóng bảo hiểm xã hội (BHXH = Lương x 10,5%).

Mức lương khởi điểm của giảng viên Đại học (ở hệ số 2,34) là 2,34 x 2.340.000 đồng = 5.475.600 đồng/tháng.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm ngạch | Bậc 1 | Bậc 2 | Bậc 3 | Bậc 4 | Bậc 5 | Bậc 6 | Bậc 7 | Bậc 8 | Bậc 9 |
| Giảng viên Đại học cao cấp (hạng I) - Viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) | | | | | | | | | |
| Hệ số lương | 6,20 | 6,56 | 6,92 | 7,28 | 7,64 | 8,00 |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức lương theo lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng | 14.508.000 | 15.350.400 | 16.192.000 | 17.035.200 | 17.877.600 | 18.720.000 |  |  |  |
| Giảng viên đại học chính (hạng II) - Viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) | | | | | | | | | |
| Hệ số lương | 4,40 | 4,47 | 5,08 | 5,42 | 5,76 | 6,10 | 6,44 | 6,78 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức lương theo lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng | 10.296.000 | 11.091.600 | 11.887.200 | 12.682.800 | 13.478.400 | 14.274.000 | 15.069.600 | 15.865.000 |  |
| Giảng viên đại học (hạng III) - Viên chức loại A1 | | | | | | | | | |
| Hệ số lương | 2,34 | 2,67 | 3,00 | 3,33 | 3,66 | 3,99 | 4,32 | 4,65 | 4,98 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức lương theo lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng | 5.475.600 | 6.247.800 | 7.020.000 | 7.792.200 | 8.564.400 | 9.336.600 | 10.108.800 | 10.881.000 | 11.653.200 |

Mức lương cơ sở hiện nay, áp dụng từ ngày 01/7/2024 là 2.340.000 đồng/tháng.

Khi được tuyển dụng vào làm viên chức ngành giáo dục, giáo viên sẽ bắt đầu từ bậc 1. Sau một năm thử việc, nếu không bị kỷ luật hoặc không có thành tích đặc biệt xuất sắc thì cứ 3 năm lên một bậc lương. Vì vậy, sau 4 năm công tác thì giáo viên lên lương bậc 2. Như vậy để được hương phụ cấp thâm niên, giáo viên phải từ bậc 2 trở lên.

Nhà giáo đang giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập vẫn giữ ngạch viên chức ngành giáo dục, đào tạo (có 2 chữ số đầu của mã số ngạch là 15) mà chưa được chuyển xếp sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (mã số V07), chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp (mã số V09) thì vẫn được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo theo quy định nói trên.

**b. Bảng lương đối với giảng viên đại học, cao đẳng là người lao động**

Viên chức là giảng viên giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng công lập, thì được hưởng lương theo các hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng với các bảng lương nêu trên (theo hệ số và mức lương cơ sở là 2,34 triệu đồng/tháng).

Còn giảng viên là người lao động ký hợp đồng lao động với các trường Đại học, Cao đẳng công lập, Đại học tư và Đại học quốc tế (giảng viên hợp đồng lao động) thì không áp dụng các bảng lương nêu trên mà thực hiện chế độ lương, thưởng theo thoả thuận với Hiệu trưởng các trường Đại học, Cao đẳng và được ghi cụ thể trong hợp đồng lao động.

Khi đó, mức lương của giảng viên hợp đồng có thể cao hoặc thấp hơn mức lương của giảng viên là viên chức cùng giảng dạy ở một trình độ, nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng (do Chính phủ quy định) và phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng (do đã qua đào tạo nghề).

**Mức lương tối thiểu theo tháng của giảng viên**

Mức lương tối thiểu theo tháng của giảng viên (áp dụng kể từ ngày 01/07/2024), cụ thể như sau

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Mức lương tối thiểu theo tháng** | **Mức lương tối thiểu của giảng viên (thêm 7%)** | **Ghi chú** |
| Vùng  I | 4.960.000 đồng/tháng | 4.960.000 + (4.960.000 x 7%) = 5.307.200 đồng/tháng | **Vùng I:** thành phố, quận, huyện, thị xã có kinh tế phát triển |
| Vùng  II | 4.410.000 đồng/tháng | 4.410.000 + (4.410.000 x 7%) = 4.718.700 đồng/tháng | **Vùng II:** các huyện, tỉnh, thành phố có kinh tế tương đối phát triển |
| Vùng  III | 3.640.000 đồng/tháng | 3.640.000 + (3.640.000 x 7%) = 3.894.800 đồng/tháng | **Vùng III:** các quận, huyện, thị xã, có kinh tế ở mức khá, nhưng thấp hơn vùng II |
| Vùng  IV | 3.450.000 đồng/tháng | 3.450.000 + (3.450.000 x 7%) = 3.691.500 đồng/tháng | **Vùng IV:** các huyện, thị xã có nền kinh tế chưa phát triển, khó khăn |

**Mức lương tối thiểu của giảng viên tính theo giờ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Mức lương tối thiểu theo giờ** | **Mức lương tối thiểu theo tháng** | **Mức lương tối thiểu của giảng viên (thêm 7%)** | **Ghi chú** |
| Vùng  I | 23.800 đồng/giờ | 23.800 đồng/giờ x 8 giờ/ngày x 26 ngày làm việc = 4.950.400 đồng | 4.960.000 + (4.960.000 x 7%) = 5.307.200 đồng/tháng | **Vùng I:** thành phố, quận, huyện, thị xã có kinh tế phát triển |
| Vùng  II | 21.200 đồng/giờ | 21.200 đồng/giờ x 8 giờ/ngày x 26 ngày làm việc = 4.409.600 đồng | 4.410.000 + (4.410.000 x 7%) = 4.718.700 đồng/tháng | **Vùng II:** các huyện, tỉnh, thành phố có kinh tế tương đối phát triển |
| Vùng  III | 18.600 đồng/giờ | 18.600 đồng/giờ x 8 giờ/ngày x 26 ngày làm việc = 3.868.800 đồng | 3.860.000 + (3.860.000 x 7%) = 4.130.200 đồng/tháng | **Vùng III:** các quận, huyện, thị xã, có kinh tế ở mức khá, nhưng thấp hơn vùng II |
| Vùng  IV | 16.600 đồng/giờ | 16.600 đồng/giờ x 8 giờ/ngày x 26 ngày làm việc=3.452.800 đồng | 3.450.000 + (3.450.000 x 7%) = 3.691.500 đồng/tháng | **Vùng IV:** các huyện, thị xã có nền kinh tế chưa phát triển, khó khăn |

Danh mục các địa bàn (Vùng I, II, III, IV) áp dụng mức lương tối thiểu vùng được quy định tại phần Phụ lục của Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| gv | Năm bắt đầu dạy | Viên chức loại | Hệ số | Lương |
| Nguyễn A | 2024 | A1 | 2,34 | Chi tiết lương |
| Trần C | 2021 | A1 | 2,67 | Chi tiết lương |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng 1/2024 | Tháng 2/2024 | Tháng 3/2024 | … | Tháng 12/2024 |
|  |  |  |  |  |

Ví dụ:

Nguyễn A là trợ giảng bắt đầu giảng dạy từ tháng 1 năm 2024

- viên chức loại A1

- hệ số lương 2,34

- lương cơ bản hiện nay là 2.340.000đ/tháng

Công thức sẽ được tính như sau:

- Lương = Hệ số lương \* lương cơ bản = 2,34 \* 2.340.000 = 5.475.600đ

- Phụ cấp ưu đãi = Lương \* 25% = 5.475.600 \* 25% = 1.368.900đ

- BHXH = Lương \* 10.5% = 5.475.600 \* 10.5% = 574.938đ

- Tổng lương tháng thực nhận = Lương + Phụ cấp ưu đãi – BHXH = 5.475.600 + 1.368.900 - 574.938 = 6.269.562đ

- Tổng 1 năm thực nhận = 6.269.562 \* 12 = 75.234.744đ

Trong 1 năm dạy thì Nguyễn A dạy vượt tổng số tiết là 100 tiết thì công thức sẽ là:

- Tiền lương 1 giờ dạy thêm = tiền lương 1 giờ dạy \* 150%

- Tiền lương 1 giờ dạy = (Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học : Định mức giờ dạy/năm) x (22,5 tuần : 52 tuần)

Vậy ta có tiền lương 1 giờ dạy của trợ giảng A sẽ là = (75.234.744 : 270) x (22,5 : 52) = 120.568,5đ

Tiền lương 1 giờ dạy thêm = 120.568,5đ x 150% = 180.852,75đ

Vậy tổng số tiền của 100 tiết dạy thêm đó sẽ là = 180.852,75 x 100 = 18.085.275đ

Số tín chỉ sv đăng k